

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VÀ NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Hồ Văn Thái^{1*}, Dương Việt Hà¹,
Lê Nguyễn Hoàng Nam¹

TÓM TẮT

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đặt ra nhiều thách thức pháp lý mới, đặc biệt trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ (SHTT). Nghiên cứu này không chỉ tập trung vào việc phân tích cơ sở pháp lý và kinh nghiệm quốc tế (Anh, Ấn Độ, EU) mà còn làm rõ thực tiễn áp dụng tại Việt Nam và Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại (COFER). Thông qua khảo sát 120 giảng viên và sinh viên, nghiên cứu ghi nhận mức độ nhận thức còn hạn chế về quyền tác giả trong sản phẩm có yếu tố AI. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình tuyên truyền và đào tạo về SHTT phù hợp với môi trường giáo dục nghề nghiệp, góp phần hình thành văn hóa sử dụng công nghệ có trách nhiệm.

Từ khóa: Trí tuệ nhân tạo, quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

Ngày nhận bài: 15/01/2026; **Ngày phản biện:** 25/02/2026; **Ngày duyệt đăng:** 02/03/2026

ABSTRACT

The rapid development of Artificial Intelligence (AI) has raised emerging legal challenges in the field of Intellectual Property Rights (IPR). This paper analyzes the international legal framework (United Kingdom, India) and the current situation in Vietnam, emphasizing the case of the College of Foreign Economic Relations (COFER). Using a mixed-method approach combining doctrinal analysis and surveys of 120 lecturers and students, the study reveals a limited understanding of copyright issues in AI-generated content. Based on these findings, the paper proposes awareness-raising and training initiatives on IPR-AI to enhance legal literacy and promote responsible innovation in vocational education institutions.

Keywords: Artificial intelligence, intellectual property, copyright, vocational education, College of Foreign Economic Relations.

*Email: hvthai@cofer.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là một lĩnh vực công nghệ bắt nguồn từ thập niên 1950, với dấu mốc quan trọng là Hội nghị mùa hè Dartmouth năm 1956, nơi thuật ngữ "AI" lần đầu được sử dụng chính thức bởi John McCarthy. Từ đó đến nay, AI đã phát triển vượt bậc, ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, công nghiệp, tài chính, nghệ thuật và đặc biệt là các ngành nghề sáng tạo. Sự phát triển mạnh mẽ của AI đặt ra nhiều thách thức pháp lý mới, trong đó có câu hỏi: liệu các sản phẩm sáng tạo do AI tạo ra có thể được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) hay không? Nếu có, thì chủ thể của quyền này sẽ là ai: chính AI, người lập trình, hay người vận hành AI? Đây là một trong những vấn đề đang được tranh luận sôi nổi trên bình

diện pháp lý quốc tế, với nhiều quốc gia có cách tiếp cận khác nhau. Trong khi hệ thống pháp luật truyền thống chỉ công nhận con người tự nhiên là tác giả, thì sự xuất hiện của AI đã làm khái niệm này trở nên lung lay và không còn sức thuyết phục nữa.

Tại Việt Nam, hệ thống pháp luật hiện hành chưa có quy định rõ ràng về quyền tác giả đối với tác phẩm do AI tạo ra. Trong bối cảnh chuyển đổi số và nền kinh tế sáng tạo ngày càng phát triển, nhu cầu xây dựng khung pháp lý phù hợp là cấp thiết. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức pháp lý về quyền SHTT, đặc biệt trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, nơi đào tạo lực lượng lao động gắn liền với công nghệ và sáng tạo, cũng là một hướng tiếp cận quan trọng. Bài viết nhằm mục tiêu: (1) Phân tích cơ sở pháp lý và kinh nghiệm quốc tế về quyền

¹Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

SHTT đối với sản phẩm AI; (2) Khảo sát thực trạng nhận thức của giảng viên, sinh viên tại Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại (COFER); (3) Đề xuất giải pháp nâng cao nhận thức và hoàn thiện cơ chế thực hiện quyền SHTT trong môi trường giáo dục nghề nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế

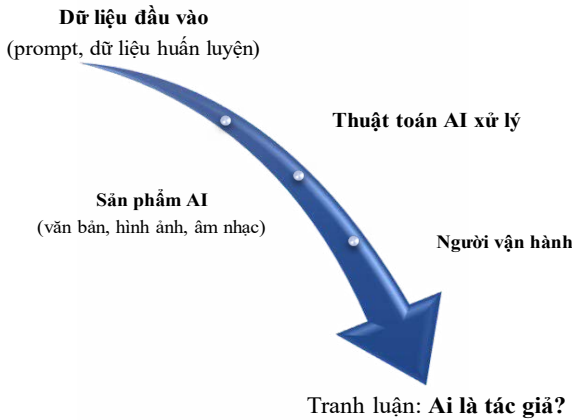
2.1.1. Tác phẩm được tạo bởi AI

Sự phát triển của AI bắt nguồn từ nền tảng của máy tính điện tử được phát minh năm 1941 và được củng cố bởi công trình của Alan Turing, người đã hình thức hóa khái niệm “thuật toán” và “tính toán” qua mô hình máy Turing (Copeland, 2004). Thuật ngữ Artificial Intelligence chính thức được định danh tại Hội nghị Dartmouth năm 1956, đánh dấu sự ra đời của ngành AI hiện đại (McCarthy et al., 2006). Từ đó đến nay, AI đã trải qua quá trình tiến hóa từ công cụ tính toán thành một chủ thể tham gia vào hoạt động sáng tạo nghệ thuật, văn học và âm nhạc. Trong thập niên 1970, dự án AARON của Harold Cohen được xem là cột mốc đầu tiên của AI trong hội họa (Galanter, 2016), mở đường cho các hệ thống sáng tạo hình ảnh như DeepDream của Google năm 2015 (Mordvintsev et al., 2015). Sự kiện robot Sophia được trao quyền công dân tại Ả-rập Xê-út năm 2017 và bán đấu giá tác phẩm nghệ thuật do chính mình “vẽ” (Quốc, 2021), cùng với bức Chân dung Edmond de Belamy của nhóm Obvious được bán tại Christie’s năm 2018 (Christie’s, 2018), khẳng định vai trò ngày càng nổi bật của AI trong nghệ thuật thị giác. Ở lĩnh vực văn học, AI đã chứng minh năng lực sáng tác qua các tác phẩm đạt giải tại Nhật Bản (The Japan Times, 2016) và tiểu thuyết The World from Now On do hệ thống Birampung phát hành năm 2021 tại Hàn Quốc (Quỳnh, 2021). Trong âm nhạc, việc hoàn thiện Bản giao hưởng số 10 của Beethoven bằng AI (VTV, 2021) và sự ra đời của các nền tảng như Amper Music hay Google Magenta đã mở rộng khả năng sáng tạo âm thanh tự động hóa. Đáng chú ý, năm 2022 một bức tranh AI thắng giải Nghệ thuật bang Colorado (Vincent, 2022) và năm 2023 OpenAI ra mắt ChatGPT-4 một công cụ có thể sáng tác văn học và kịch bản ở trình độ gần tương đương con người (OpenAI, 2023). Năm 2024, phim hoạt hình The Frost sử dụng AI trong tạo hình và thoại tiếp tục minh chứng cho sự hội nhập của AI trong điện ảnh (The Guardian,

2024). Ở Việt Nam, AI đã được ứng dụng trong các tác phẩm âm nhạc và điện ảnh như phim Nắng khuya với sáu ca khúc nhạc phim do AI sáng tác (Phụ Nữ Online, 2024) và Quý nhập tràng với ca khúc “Hoang tưởng đêm khuya” hoàn toàn do hệ thống AI thực hiện (Báo Pháp Luật Việt Nam, 2024; Công An Nhân Dân, 2024). Những minh chứng này cho thấy AI không chỉ là công cụ hỗ trợ kỹ thuật mà đã trở thành một tác nhân sáng tạo mới, đặt ra thách thức về tư cách pháp lý, quyền tác giả và giá trị nhân văn của sản phẩm sáng tạo trong kỷ nguyên số.

2.2. Quyền tác giả đối với tác phẩm của trí tuệ nhân tạo

Theo khoản 2 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, quyền tác giả là “quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu”, trong khi khoản 1 Điều 13 và khoản 3 Điều 14 khẳng định rằng chỉ “người trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình” mới được công nhận là tác giả (Quốc hội, 2005). Như vậy, “tác giả” theo pháp luật Việt Nam là con người tự nhiên tức là chủ thể mang năng lực sáng tạo và dấu ấn cá nhân. Quan điểm này phù hợp với triết lý của luật bản quyền hiện đại, coi quyền tác giả không chỉ là quyền kinh tế mà còn là sự công nhận giá trị nhân cách và sáng tạo văn hóa. Công ước Berne năm 1886, Đạo luật Bản quyền Hoa Kỳ năm 1976 và án lệ Thaler v. Perlmutter (2023) đều duy trì nguyên tắc tương tự, rằng chỉ con người mới có thể là tác giả. Anh và Liên minh châu Âu cũng khẳng định “con người là tác giả duy nhất được công nhận” (UK IPO, 2022; EU AI Act, 2023). Tuy nhiên, sự trỗi dậy của AI với khả năng tự tạo ra tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học nguyên bản đã thách thức ranh giới này (Gervais, 2020; Samuelson, 2022). Nếu công nhận AI là tác giả, vấn đề phát sinh là AI không có tư cách pháp nhân, không thể ký kết, cấp phép hay chịu trách nhiệm; còn nếu phủ nhận, tác phẩm AI sẽ không được bảo hộ, dẫn đến mất động lực đầu tư sáng tạo. Học giả Gervais (2020) cảnh báo điều này có thể “làm suy giảm động lực đổi mới”, trong khi Samuelson (2022) gọi đó là nguy cơ “khủng hoảng bản quyền”. Do đó, vấn đề không nằm ở việc có hay không công nhận AI là tác giả, mà ở chỗ pháp luật cần định nghĩa lại khái niệm “tác giả” theo hướng linh hoạt hơn, vừa bảo đảm quyền lợi của con người – những người sáng tạo và vận hành AI – vừa khuyến khích phát triển sáng tạo có trách nhiệm trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo (hình 1).



Hình 1. Quy trình sáng tạo của AI và vai trò của con người trong xác lập quyền tác giả

2.3. Kinh nghiệm quốc tế về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm AI

Vương quốc Anh và Ấn Độ là hai trong số những quốc gia có cách tiếp cận sớm và tương đối linh hoạt đối với vấn đề về quyền tác giả trong bối cảnh sáng tạo bằng trí tuệ nhân tạo. Tại Anh, Đạo luật Copyright, Designs and Patents Act 1988 (CDPA) là văn bản pháp lý đầu tiên trên thế giới quy định về “tác phẩm do máy tính tạo ra”, trong đó xác định khi một tác phẩm “được tạo ra trong hoàn cảnh không có tác giả là con người”, thì “người thực hiện các thỏa thuận cần thiết cho việc tạo ra tác phẩm” được coi là tác giả (CDPA, s.9(3); United Kingdom, 1988). Quy định này cho thấy hệ thống pháp luật Anh vẫn duy trì nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, coi AI là công cụ hỗ trợ sáng tạo chứ không phải chủ thể sáng tạo độc lập. Các cuộc tham vấn gần đây (UK IPO, 2024) cũng khẳng định quan điểm này, khi đa số chuyên gia ủng hộ việc giữ nguyên quy định hiện hành, tránh trao tư cách pháp lý cho AI nhưng vẫn bảo đảm lợi ích cho người vận hành hoặc lập trình hệ thống. Trong khi đó, ở Ấn Độ nơi nền kinh tế đang nổi lên mạnh mẽ trong lĩnh vực công nghệ thì cũng có quy định tương tự tại Đạo luật Bản quyền 1957, theo đó “tác giả của tác phẩm được tạo ra bởi máy tính là người gây ra việc tạo ra tác phẩm”. Tuy nhiên, khác với Anh, Ấn Độ không xác định rõ tiêu chuẩn “tính nguyên bản” trong luật mà dựa vào án lệ, đặc biệt là vụ Eastern Book Company v. D.B. Modak (2008), nơi Tòa án Tối cao yêu cầu tác phẩm phải thể hiện “mức độ sáng tạo tối thiểu”. Chính phủ Ấn Độ, thông qua Chiến lược Quốc gia về AI

(NITI Aayog, 2018), đang xem xét điều chỉnh luật để khuyến khích đổi mới nhưng vẫn duy trì nguyên tắc “tác giả là thể nhân”, tránh trao quyền trực tiếp cho thực thể nhân tạo. Như vậy, cả Anh và Ấn Độ đều hướng tới mô hình “con người kiểm soát và máy móc hỗ trợ”, trong đó AI được xem là công cụ sáng tạo, còn quyền sở hữu trí tuệ thuộc về người vận hành hoặc khởi tạo quá trình sáng tác. Kinh nghiệm này gợi mở hướng đi cho Việt Nam trong việc hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao nhận thức tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là tại Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại, nơi AI đang được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong hoạt động giảng dạy và sáng tạo học thuật.

2.4. Thực tiễn tại Việt Nam và Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

Tại Việt Nam, dù Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi 2022) đã có bước tiến trong việc điều chỉnh các quyền liên quan đến công nghệ số, nhưng vẫn chưa có quy định cụ thể đối với tác phẩm được tạo ra bởi AI. Trong bối cảnh AI được ứng dụng ngày càng phổ biến trong sáng tạo nghệ thuật, truyền thông và giáo dục, sự thiếu vắng khung pháp lý rõ ràng đang tạo ra nhiều tranh luận về xác định chủ thể quyền, tính nguyên bản và cơ chế bảo hộ. Thực tế cho thấy, nhiều tác phẩm âm nhạc, hình ảnh và video do AI tạo ra ở Việt Nam như phim “Nắng khuya” hay bài hát “Hoang tưởng đêm khuya” trong phim “Quý nhập tràng” đã đạt được giá trị thương mại nhất định nhưng vẫn chưa được định danh rõ về quyền tác giả. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng quy định cụ thể về việc xác định chủ thể quyền và phạm vi bảo hộ cho các sản phẩm có yếu tố AI, nhằm bảo vệ lợi ích của nhà sáng tạo, đồng thời khuyến khích đổi mới công nghệ.

Tại Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại, quá trình khảo sát cho thấy việc sử dụng công cụ AI trong giảng dạy và học tập đã trở nên phổ biến, đặc biệt trong các học phần như Biên dịch 2, Tiếng Anh giao tiếp và Tiếng Anh ngành Logistics. Có đến 65% giảng viên cho biết họ thường xuyên sử dụng các công cụ như ChatGPT, Canva AI, hoặc Bing Image Creator để hỗ trợ thiết kế bài giảng, trong khi hơn 80% sinh viên khai thác AI để làm bài tập, tạo thuyết trình hoặc sản xuất nội dung học thuật. Tuy nhiên, chỉ khoảng 32% người tham gia khảo sát hiểu rõ rằng các sản phẩm được AI hỗ trợ có thể liên

quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Một số trường hợp sinh viên sao chép nội dung AI mà không ghi nguồn hoặc sử dụng hình ảnh AI trong bài thuyết trình mà không xin phép đã đặt ra câu hỏi về tính trung thực học thuật và tuân thủ pháp luật.

Trước thực trạng này, COFER đã bắt đầu triển khai các giải pháp nâng cao nhận thức, bao gồm tổ chức hội thảo chuyên đề về AI, hướng dẫn sử dụng công cụ AI có đạo đức và kêu gọi giảng viên chia sẻ về việc ứng dụng AI trong dạy và học các môn học tại Trường. Các hoạt động này không chỉ giúp giảng viên và sinh viên hiểu rõ hơn về khía cạnh pháp lý của sáng tạo số mà còn hướng đến việc hình thành “văn hóa tôn trọng bản quyền” trong môi trường giáo dục nghề nghiệp. Thực tiễn tại COFER có thể xem là mô hình quan trọng, góp phần minh chứng cho nhu cầu kết hợp giữa khung pháp lý và giáo dục ý thức pháp luật trong bối cảnh AI đang trở thành công cụ phổ biến trong hoạt động học thuật và sáng tạo ở Việt Nam.

2.5. Một số biện pháp hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao nhận thức về quyền SHTT đối với sản phẩm AI ở Việt Nam và tại Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

2.5.1. Hoàn thiện khung pháp lý ở Việt Nam

a. Mục đích. Biện pháp này nhằm góp phần hình thành cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất cho việc xác định quyền tác giả, quyền sở hữu và cơ chế bảo hộ đối với tác phẩm do AI tạo ra, qua đó bảo đảm hài hòa lợi ích giữa cá nhân, tổ chức và nhà nước, đồng thời khuyến khích hoạt động sáng tạo có trách nhiệm trong kỷ nguyên số.

b. Nội dung và cách tiến hành. Trên cơ sở phân tích và so sánh luật pháp quốc tế, có thể thấy đa số các quốc gia chưa công nhận AI là chủ thể của quyền tác giả, mà chỉ xem AI như công cụ hỗ trợ sáng tạo. Do đó, Việt Nam cần tiếp cận theo hướng “đồng sáng tạo”, trong đó con người vẫn là trung tâm của quá trình sáng tạo, còn AI đóng vai trò hỗ trợ.

Cần bổ sung khái niệm “tác phẩm trí tuệ nhân tạo” vào Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời quy định rõ chủ thể quyền tác giả trong các trường hợp sản phẩm được tạo ra có yếu tố AI. Bên cạnh đó, nên ban hành hướng dẫn dưới luật (thông tư hoặc nghị định chuyên biệt) quy định cụ thể về đăng ký, xác lập quyền, chuyển giao và xử lý vi phạm đối với các

sản phẩm AI.

Cơ quan quản lý nhà nước có thể tham khảo mô hình “người tổ chức hoặc điều phối quá trình sáng tạo” của Anh (Copyright, Designs and Patents Act 1988) và Ấn Độ (Copyright Act 1957) để xác định người sở hữu quyền tác giả trong các trường hợp AI không có yếu tố sáng tạo độc lập.

Song song, cần thiết lập cơ chế đăng ký và cơ sở dữ liệu quốc gia về tác phẩm có yếu tố AI, trong đó phân loại rõ các dạng tác phẩm, mức độ tham gia của AI, và trách nhiệm của các bên liên quan. Cơ sở này sẽ giúp truy xuất nguồn gốc, hạn chế tranh chấp và tạo tiền đề cho việc kiểm soát vi phạm bản quyền trong môi trường số.

c. Điều kiện thực hiện. Để triển khai biện pháp này, cần có sự phối hợp giữa Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc xây dựng văn bản pháp lý. Ngoài ra, việc ban hành văn bản hướng dẫn cần có sự tham vấn của giới học thuật, các doanh nghiệp công nghệ, cùng chuyên gia pháp lý để bảo đảm tính khả thi và phù hợp thực tiễn Việt Nam.

2.5.2. Nâng cao nhận thức và giáo dục tại Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

a. Mục đích. Biện pháp này nhằm tăng cường hiểu biết, thái độ và hành vi đúng đắn của giảng viên và sinh viên về SHTT khi sử dụng và sáng tạo nội dung có yếu tố AI, qua đó hình thành văn hóa tôn trọng bản quyền trong môi trường học thuật.

b. Nội dung và cách tiến hành. Kết quả khảo sát cho thấy 87,5% người tham gia cho rằng “khó xác định tác giả” là thách thức lớn nhất, và 55,8% đề xuất lồng ghép nội dung SHTT với AI vào chương trình học. Trên cơ sở đó, Nhà trường cần triển khai đồng bộ các hoạt động sau:

Lồng ghép chuyên đề “AI và quyền sở hữu trí tuệ” vào các học phần hiện có như Biên dịch 2, Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh ngành Logistics, v.v., nhằm giúp sinh viên hiểu rõ khung pháp lý, quy trình trích dẫn và đạo đức học thuật.

Xây dựng học phần chuyên sâu về SHTT và công nghệ số, chú trọng các tình huống thực hành về nhận diện vi phạm, trích nguồn AI, và đăng ký bản quyền sản phẩm khoa học của giảng viên và sinh viên.

Tổ chức hội thảo, tọa đàm và cuộc thi sáng tạo có yếu tố AI, trong đó yêu cầu người dự thi trình bày phân tích pháp lý về quyền tác giả của sản

phẩm, nhằm gắn kết lý thuyết với thực hành.

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền: phát hành poster, video, bản tin, và quản lý fanpage nội bộ để chia sẻ kiến thức, ví dụ thực tiễn và hướng dẫn sử dụng AI có đạo đức.

c. Điều kiện thực hiện. Nhà trường cần ban hành kế hoạch hành động về “Tuyên truyền và giáo dục sở hữu trí tuệ trong thời đại AI”, thành lập các đơn vị chuyên trách về SHTT hoặc giao cho các đơn vị có chức năng hoạt động về SHTT kết hợp với các đơn vị của Trường để thực thi các hoạt động tuyên truyền. Bên cạnh đó, giảng viên được tập huấn về pháp lý và kỹ năng sử dụng công cụ AI; đồng thời, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá việc tuân thủ SHTT trong học tập và nghiên cứu.

3. Kết luận

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang tạo ra những thách thức pháp lý chưa từng có đối với hệ thống quyền SHTT truyền thống, đặc biệt là trong việc xác định tư cách tác giả và chủ thể quyền. Phân tích kinh nghiệm của Anh và Ấn Độ cho thấy hướng tiếp cận khả thi là duy trì vai trò trung tâm của con người trong quá trình sáng tạo, coi AI là công cụ hỗ trợ, qua đó bảo đảm tính nhân văn và trách nhiệm pháp lý. Đối với Việt Nam, việc hoàn thiện khung pháp lý bằng cách bổ sung khái niệm “tác phẩm trí tuệ nhân tạo”, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, cùng với cơ chế đăng ký và xử lý vi phạm riêng cho tác phẩm có yếu tố AI là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát tại COFER cho thấy việc nâng cao nhận thức của giảng viên và sinh viên về SHTT trong bối cảnh AI vẫn còn hạn chế. Do đó, việc lồng ghép nội dung SHTT và AI vào chương trình giảng dạy, tổ chức hội thảo, cuộc thi sáng tạo có yếu tố pháp lý, và xây dựng quy tắc ứng xử khi sử dụng công cụ AI là những bước đi thiết thực. Kết hợp giữa hoàn thiện pháp luật và giáo dục nhận thức, COFER có thể trở thành mô hình tiên phong trong việc thúc đẩy sáng tạo có trách nhiệm, góp phần hình thành văn hóa tôn trọng quyền SHTT và phát triển bền vững trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

Tài liệu tham khảo

- Act, P. (1979). *Berne Convention for the Protection of Literary and Artistic Works*. Director.
- Bently, L. (2018). *The UK's Provisions on Computer - Generated Works: A Solution for AI Creations?*. In Presentato al ECS International Conference: EU copyright, quo vadis.
- Christie's, D. (2018). *Is artificial intelligence set to become art's next medium?*. Christies. com.
- Gervais, D. J. *The Machine as Author*. *Iowa Law Review*, 105, 2053.
- India. (1957). *The Copyright Act, 1957*. Government of India. <https://copyright.gov.in/>
- McCarthy, J., Minsky, M. L., Rochester, N., & Shannon, C. E. (2006). *A proposal for the dartmouth summer research project on artificial intelligence*, august 31, 1955. *AI magazine*, 27(4), 12-12.
- Mordvintsev, A., Olah, C., & Tyka, M. (2015). *Inceptionism: Going deeper into neural networks*. Google research blog, 17(6), 1-10.
- Aayog, N. I. T. I. (2018). *National Strategy for Artificial Intelligence# AIForAll*. Government of India.
- Achiam, J., Adler, S., Agarwal, S., Ahmad, L., Akkaya, I., Aleman, F. L., ... & McGrew, B. (2023). *Gpt-4 technical report*. arXiv preprint arXiv:2303.08774.
- Quốc hội (2005), *Luật Sở hữu trí tuệ, Luật số 50/2005/QH11*, ban hành ngày 12/12/2005.
- Ricketson, S., & Ginsburg, J. (2022). *International copyright and neighbouring rights: The Berne Convention and Beyond*. Oxford university press.
- Samuelson, P. (2022). Allocating ownership rights in computer-generated works. *Columbia Journal of Law & the Arts*, 45(3), 297-330.
- United Kingdom. (1988). *Copyright, Designs and Patents Act 1988*, c. 48. <https://www.legislation.gov.uk>